



CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HỒNG LĨNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/6/2011 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

2-3

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4-5

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

8-13

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hồng Lĩnh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/6/2011 đến ngày 31/12/2011.

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty điều hành Công ty tại ngày 31/12/2011 gồm:

Ban Giám đốc

Ông Bùi Văn Phát

Giám đốc

Ông Trần Thanh Long

Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/6/2011 đến ngày 31/12/2011. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chữ ký và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngày 12 tháng 5 năm 2012

Văn phòng Hà Nội :

P. 1401, Tòa nhà 17T5, Trung Hòa - Nhân Chính, Hà Nội

Tel: (84 4) 6 2811 488

Fax: (84 4) 6 2811 499

E-mail: contact@krestonaca.vn

www.krestonaca.vn

Số: 266 /Kreston-ACA/CNMT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/6/2011 đến ngày 31/12/2011 của
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hồng Lĩnh**

Kính gửi: **Chủ Sở hữu**
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hồng Lĩnh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/6/2011 đến ngày 31/12/2011 từ trang 04 đến trang 13 kèm theo.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế về phạm vi kiểm toán

Do được bổ nhiệm sau ngày kết thúc niên độ kế toán nên chúng tôi đã không tham gia chứng kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2011. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục này trên Báo cáo tài chính.

Công ty tiến hành thực hiện việc chuyển đổi sang Công ty TNHH MTV từ ngày 22 tháng 4 năm 2011 với chủ sở hữu là Ủy Ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Theo Điều 2, Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2011 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hồng Lĩnh được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty phải lập Báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển đổi, trình UBND tỉnh phê duyệt, làm cơ sở bàn giao cho Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hồng Lĩnh. Tuy nhiên, đến thời điểm kiểm toán, Kiểm toán viên chưa nhận được văn bản phê duyệt của UBND tỉnh Hà Tĩnh về vấn đề nêu trên và việc chưa được chủ sở hữu phê duyệt báo cáo tài chính tại thời điểm chuyển đổi có thể ảnh hưởng đến số dư cuối kỳ của báo cáo tài chính. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến số dư cuối kỳ.

Hạn chế trong xử lý kế toán

Trong kỳ, Công ty đã hạch toán doanh thu cung cấp dịch vụ cho UBND Thị xã Hồng Lĩnh số tiền 2.629.046.273 đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa có Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành tương ứng với doanh thu trên. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của khoản doanh thu nêu trên đến kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trong Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của các hạn chế về phạm vi kiểm toán và hạn chế trong xử lý kế toán nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/6/2011 đến ngày 31/12/2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Nguyễn Anh Dũng

Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1379/KTV

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam

- Chi nhánh Miền Trung

Nghệ An, ngày 12 tháng 5 năm 2012

Nguyễn Duy Tuấn

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1951/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		670.023.231
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		400.096.278
111	Tiền	V.1	400.096.278
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		144.313.316
131	Phải thu khách hàng		144.313.316
140	Hàng tồn kho	V.2	89.250.000
141	Hàng tồn kho		89.250.000
150	Tài sản ngắn hạn khác	V.3	36.363.637
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		36.363.637
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		3.608.092.691
220	Tài sản cố định		3.608.092.691
221	Tài sản cố định hữu hình	V.4	3.608.092.691
222	Nguyên giá		3.790.100.097
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(182.007.406)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.278.115.922

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011
300	NỢ PHẢI TRẢ		
310	Nợ ngắn hạn		10.299.237
312	Phải trả người bán		10.299.237
318	Phải trả phải nộp ngắn hạn khác		10.299.237
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.267.816.685
410	Vốn chủ sở hữu	V.5	4.267.816.685
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		4.326.694.426
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(58.877.741)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.278.115.922

(Không có số liệu so sánh vì đây là kỳ đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính)



Đinh Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Ngày 12 tháng 5 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Giai đoạn hoạt động từ ngày 01/6/2011 đến ngày 31/12/2011

Mẫu số B 02-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	2.710.228.273
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.1	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	2.710.228.273
11	Giá vốn hàng bán	VI.2	2.063.250.912
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		646.977.361
21	Doanh thu hoạt động tài chính		-
22	Chi phí tài chính		-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-
24	Chi phí bán hàng		-
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		705.855.102
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(58.877.741)
31	Thu nhập khác		-
32	Chi phí khác		-
40	Lợi nhuận khác		-
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(58.877.741)
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành		-
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(58.877.741)

(Không có số liệu so sánh vì đây là giai đoạn hoạt động đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính)



Bui Văn Phát
Giám đốc

Ngày 12 tháng 5 năm 2012

Đinh Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Giai đoạn hoạt động từ ngày 01/6/2011 đến ngày 31/12/2011

Mẫu số B 03-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	2.580.228.273
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(971.330.603)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(878.028.432)
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(158.491.947)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	572.377.291
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(172.281.013)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(172.281.013)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	400.096.278
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	400.096.278

(Không có số liệu so sánh vì đây là giai đoạn hoạt động tiền Công ty lập Báo cáo tài chính)



Bùi Văn Phát
Giám đốc

Ngày 12 tháng 5 năm 2012

Đinh Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN****I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hồng Lĩnh được chuyển đổi từ Công ty Công ty Quản lý - Dịch vụ Công trình Công cộng Đô thị Hồng Lĩnh theo Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 22/3/2011 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Công ty tiến hành đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV lần đầu ngày 22 tháng 04 năm 2011.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 8.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan (chi tiết: vệ sinh công cộng; thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải gây hại; khơi thông cống rãnh, xử lý bùn cống, và mương thoát nước; quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống kênh mương, hồ sinh thái, kè; quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, điện trang trí, quản cáo; chăm sóc, quản lý cây xanh đường phố, ươm mới cây con, các loại cây cảnh; quản lý, duy tu, bảo dưỡng nghĩa trang, làm dịch vụ mai táng. Tư vấn kỹ thuật và thi công hệ thống thoát nước, vỉa hè, lề đường, điện chiếu sáng đô thị, điện trang trí, các công trình thuộc công viên cây xanh, vui chơi giải trí và công trình điện thế 35 KV; Kinh doanh cây xanh, cây cảnh, vật tư, nguyên liệu, máy móc chuyên ngành phục vụ công cộng, vệ sinh môi trường, thông hút hầm vệ sinh và các dịch vụ vệ sinh môi trường khác.

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2011 là 23 người.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Kỳ kế toán

Năm tài chính đầu tiên của Công ty từ ngày 01 tháng 6 năm 2011 đến vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Kỳ kế toán tiếp theo từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Hình thức Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10- 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

6. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. **Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

8. **Thuế*****Thuế thu nhập hiện hành***

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền

31/12/2011

Tiền mặt

96.278

Tiền gửi ngân hàng

400.000.000

Cộng

400.096.278

2. Hàng tồn kho

31/12/2011

Công cụ, dụng cụ

53.250.000

Thành phẩm

36.000.000

Cộng

89.250.000

3. Tài sản ngắn hạn khác

31/12/2011

Chi phí trả trước ngắn hạn

36.363.637

Cộng

36.363.637

4. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Tăng do điều chuyển	3.153.893.797	636.206.300	3.790.100.097
Số dư cuối kỳ	3.153.893.797	636.206.300	3.790.100.097
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Khấu hao trong năm	120.154.015	61.853.391	182.007.406
Số dư cuối kỳ	120.154.015	61.853.391	182.007.406
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	3.033.739.782	574.352.909	3.608.092.691

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

5. Vốn chủ sở hữu

5.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
NĂM NAY			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Góp vốn	4.326.694.426	-	4.326.694.426
Lỗ trong kỳ	-	(58.877.741)	(58.877.741)
Số dư cuối kỳ	4.326.694.426	(58.877.741)	4.267.816.685

5.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

31/12/2011

UBND tỉnh Hà Tĩnh

4.267.816.685

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm nay

Doanh thu

2.710.228.273

Doanh thu cung cấp dịch vụ

2.710.228.273

Doanh thu thuần

2.710.228.273

2. Giá vốn hàng bán

Năm nay

Giá vốn dịch vụ

2.063.250.912

Cộng

2.063.250.912

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn hoạt động cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

2. Số liệu so sánh

Không có số liệu so sánh vì đây là kỳ đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính



Bùi Văn Phát
Giám đốc

Ngày 12 tháng 5 năm 2012

Đinh Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

